TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢN BẠ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Viên Thị Nguyên;

Ông Vũ Văn Học;

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Vũ Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*: Ông Hồ Lỷ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2022; Quyết đinh hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Cháng Đức X, sinh năm:1990

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Tẩn Thị G, sinh năm: 1993

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn T, xã L, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Cháng Đức X trình bày: Anh X và chị Tẩn Thị G tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Q tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bên nhau, tuy nhiên đến tháng 01/2019 vợ chồng sảy ra mâu thuẫn nhỏ, anh X và chị G cãi chửi nhau, sau đó đến ngày 29/01/2019 chị G bỏ nhà đi biệt tích, anh X đã đi tìm nhiều lần ở nhiều nơi nhưng không thấy, không biết hiện nay ở đâu. Anh X đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị G mất tích để giải quyết việc ly hôn, ngày 20/8/2021 Tòa án nhân

dân huyện Q tỉnh Hà Giang đã ra quyết định tuyên bố chị Tẩn Thị G mất tích. Nay anh X đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Tẩn Thị G.

Về con chung: Anh X và chị G có 03 con chung tên là: Cháng Thị M, sinh ngày 11/9/2012; Cháng Quang M, sinh ngày 19/5/2014 và Cháng Thùy T, sinh ngày 07/10/2016.

Từ khi chị G bỏ nhà đi biệt tích, anh X phải một mình chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn anh X xin được trực tiếp nuôi các cháu Mai, Minh và cháu Trang. Không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Tẩn Thị G, vắng mặt. Ngày 20/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ đã tuyên bố chị Tẩn Thị G mất tích, đến nay chị G không có mặt tại nơi cư trú, cũng không có tin tức gì về chị G.

Tại phiên tòa, anh Cháng Đức X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh X ly hôn với chị G; giao cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung; Miễn án phí sơ thẩm cho anh X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Tẩn Thị G đã được Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ tuyên bố mất tích bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2021/QĐST-DS ngày 20/8/2021 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Anh Cháng Đức X khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Tẩn Thị G, có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã L, huyện Q tỉnh Hà Giang. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cháng Đức X và chị Tẩn Thị G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh X và chị G là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì chị G bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay không có tin tức gì. Anh X đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị G bị mất tích, Tòa án nhân dân huyện Q tỉnh Hà Giang đã thực hiện trình tự tố tụng và thông báo tìm kiếm chị G nhưng không có kết quả, không có thông tin gì về chị G. Ngày 20/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ đã ra quyết định tuyên bố chị Tẩn Thị G mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, cuộc sống chung giữa anh X và chị G không còn tồn tại, anh X yêu cầu xin ly hôn với chị G là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh X, cho anh X được ly hôn với chị Tẩn Thị G.

[4] Về con chung: Anh Cháng Đức X và chị Tẩn Thị G có 03 con chung tên là: Cháng Thị M, sinh ngày 11/9/2012; Cháng Quang M, sinh ngày 19/5/2014 và Cháng Thùy T, sinh ngày 07/10/2016. Xét thấy, chị Tẩn Thị G biệt tích từ năm 2019 cho đến nay không có tin tức xác thực về chị G, nên không giao trách nhiệm nuôi con hay cấp dưỡng nuôi con cho chị G được. Từ khi chị G biệt tích, anh X đã làm tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Vì vậy, giao cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh X không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Cháng thuộc hộ nghèo được chính quyền nơi cư trú xác nhận và có đơn đề nghị miễn nộp án phí, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Nên Hội đồng xét xử xét thấy anh X được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh Cháng Đức X.

Xử cho anh Cháng Đức X được ly hôn với chị Tẩn Thị G.

2. Về con chung:

Giao cho anh Cháng Đức X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Cháng Thị M, sinh ngày 11/9/2012; Cháng Quang M, sinh ngày 19/5/2014 và Cháng Thùy T, sinh ngày 07/10/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Tẩn Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho anh Cháng Đức X.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh Cháng Đức X biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Tẩn Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Q (2);
- UBND xã L;
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Đình Vĩ